

Nội dung	Đơn vị tính	SL	Đơn giá BV (đồng)	Đơn giá BH (đồng)	Tỷ lệ TT theo dịch vụ (%)	Thành tiền BV (đồng)	Tỷ lệ TT BH YT (%)	Thành tiền BH (đồng)	Nguồn thanh toán (đồng)			
									Quỹ BHYT	Người bệnh cùng chi trả	Khác	Người bệnh tự chi trả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]	Lần	1	146.000,00	0,00	100	146.000,00	0	0,00	0,00	0,00		146.000,00
Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê	Lần	2	2.000.000,00	0,00	100	4.000.000,00	0	0,00	0,00	0,00		4.000.000,00
Siêu âm Doppler mạch máu khối u gan	Lần	1	252.300,00	252.300,00	100	252.300,00	100	252.300,00	252.300,00	0,00		0,00
Siêu âm Doppler tim	Lần	1	252.300,00	0,00	100	252.300,00	0	0,00	0,00	0,00		252.300,00
Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	Lần	1	89.300,00	89.300,00	100	89.300,00	100	89.300,00	89.300,00	0,00		0,00
5. Thăm dò chức năng:						100.000,00		0,00	0,00	0,00		100.000,00
Điện tim thường	Lần	1	100.000,00	0,00	100	100.000,00	0	0,00	0,00	0,00		100.000,00
6. Thủ thuật - Phẫu thuật:						2.060.000,00		0,00	0,00	0,00		2.060.000,00
Vaccine Inluvac Tetra [Vaccine phòng bệnh cúm mùa]	Mũi tiêm	1	360.000,00	0,00	100	360.000,00	0	0,00	0,00	0,00		360.000,00
Vaccine Prevenar 20 [Vaccine phòng bệnh phế cầu]	Mũi tiêm	1	1.700.000,00	0,00	100	1.700.000,00	0	0,00	0,00	0,00		1.700.000,00
8. Thuốc + Dịch truyền:						463.900,00		463.900,00	463.900,00	0,00		0,00
Iopromid acid (UltraVIST 623,40mg/ml 100ml)	Lọ	1	441.000,00	441.000,00	100	441.000,00	100	441.000,00	441.000,00	0,00		0,00
Paratramol (Paracetamol + tramadol)	Viên	10	2.290,00	2.290,00	100	22.900,00	100	22.900,00	22.900,00	0,00		0,00
Tổng cộng:						12.237.500,00		4.276.000,00	4.276.000,00	0,00		7.961.500,00

Tổng chi phí đợt điều trị : 12.237.500 đồng.
(Viết bằng chữ : Mười hai triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn.)
- Tổng tạm ứng: 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng chẵn.)
- Đã thanh toán: 5.081.000 đồng (Năm triệu không trăm tám mươi một nghìn đồng chẵn.)

Trong đó, số tiền do:

- Số tiền Quỹ BHYT thanh toán :4.276.000 đồng
- Người bệnh trả: 7.961.500 đồng trong đó:
 - + Cùng chi trả trong phạm vi BHYT :0 đồng.
 - + Dịch vụ theo yêu cầu :7.276.200 đồng
 - + Các khoản phải trả khác :685.300 đồng.
- Nguồn khác :0 đồng.

BỆNH VIỆN UNG BƯỞU

Hoàn ứng:

Thu thêm: 1.120.000



Quét mã để thanh toán

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ
(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 22/06/2026
KẾ TOÁN VIỆN PHÍ
(ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI BỆNH
(Hoặc người nhà ký thay
xin ghi rõ mối quan hệ với NB)
(ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỊNH BHYT
(ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Minh Huyền

Trần Thị Hồng Châu

X



BẢNG KÊ CHI PHÍ ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ

02

I. Hành chính:

- (1) Họ tên người bệnh: **LÊ VĂN QUYỀN** Ngày, tháng, năm sinh: **15/02/2001** Giới tính: **1**
(2) Địa chỉ hiện tại: **Thôn An Đồng, Xã Bến Hải, Tỉnh Quảng Trị** (3) Mã khu vực (K1/K2/K3): **0**
(4) Mã thẻ BHYT: **DK 2 68 452 031 8452** Giá trị từ: **01/05/2026 đến 31/12/2026**
(5) Cơ sở đăng ký KCB BHYT ban đầu: **Trạm y tế xã Quảng Sơn** (6) Mã: **67004**
(7) Đến khám: **06 giờ 43 phút ngày 13/05/2026**
(8) Điều trị nội trú/ ngoại trú từ: **11 giờ 44 phút, ngày 25 tháng 5 năm 2026**
(9) Kết thúc khám/ điều trị: **16 giờ 27 phút, ngày 22 tháng 6 năm 2026** Tổng số ngày điều trị: **29** (10) Tình trạng ra viện: **0**
(11) Cấp cứu ☐ (12) Đứng tuyến ☒ Nơi chuyển đến: **Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông** (13) Thông tuyến (14) Trái tuyến ☐
(15) Chẩn đoán xác định: **U ác trực tràng(C20)** (16) Mã bệnh: **C20**
(17) Bệnh kèm theo:
(18) Mã bệnh kèm theo:
(19) Thời điểm đủ 05 năm liên tục từ ngày: **01/05/2031** (20) Miễn cùng chi trả trong năm từ ngày:

II. Chi phí khám, chữa bệnh:

Mã thẻ BHYT: **DK2684520318452** Giá trị từ: **01/05/2026 đến 31/12/2026** Mức hưởng: **100%**
(Chi phí khám chữa bệnh từ ngày: **13/05/2026 đến ngày: 22/06/2026**)

Nội dung	Đơn vị tính	SL	Đơn giá BV (đồng)	Đơn giá BH (đồng)	Tỷ lệ TT theo dịch vụ (%)	Thành tiền BV (đồng)	Tỷ lệ TT BH YT (%)	Thành tiền BH (đồng)	Nguồn thanh toán (đồng)			
									Quỹ BHYT	Người bệnh cùng chi trả	Khác	Người bệnh tự chi trả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1. Khám Bệnh:						50.600,00		50.600,00	50.600,00	0,00		0,00
Khám Ung bướu	Lần	1	50.600,00	50.600,00	100	50.600,00	100	50.600,00	50.600,00	0,00		0,00
3. Xét nghiệm:						1.908.900,00		505.700,00	505.700,00	0,00		1.403.200,00
Định lượng Creatinin (máu)	Lần	1	22.400,00	22.400,00	100	22.400,00	100	22.400,00	22.400,00	0,00		0,00
Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	1	22.400,00	22.400,00	100	22.400,00	100	22.400,00	22.400,00	0,00		0,00
Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	1	22.400,00	22.400,00	100	22.400,00	100	22.400,00	22.400,00	0,00		0,00
HBc total miễn dịch tự động	Lần	1	78.300,00	0,00	100	78.300,00	0	0,00	0,00	0,00		78.300,00
HBsAg miễn dịch tự động	Lần	1	81.700,00	0,00	100	81.700,00	0	0,00	0,00	0,00		81.700,00
HCV Ab miễn dịch tự động	Lần	1	130.500,00	0,00	100	130.500,00	0	0,00	0,00	0,00		130.500,00
HIV Ag/Ab miễn dịch tự động	Lần	1	142.500,00	0,00	100	142.500,00	0	0,00	0,00	0,00		142.500,00
Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ: Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	Lần	1	105.000,00	0,00	100	105.000,00	0	0,00	0,00	0,00		105.000,00
Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	Lần	1	86.000,00	0,00	100	86.000,00	0	0,00	0,00	0,00		86.000,00
Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Lần	1	49.700,00	49.700,00	100	49.700,00	100	49.700,00	49.700,00	0,00		0,00
Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cổ định, chuyên, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm sinh thiết	Lần	1	584.000,00	0,00	100	584.000,00	0	0,00	0,00	0,00		584.000,00
Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cổ định, chuyên, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh phẩm sinh thiết	Lần	1	584.000,00	388.800,00	100	584.000,00	100	388.800,00	388.800,00	0,00		195.200,00
4. Chẩn đoán hình ảnh:						7.654.100,00		3.255.800,00	3.255.800,00	0,00		4.398.300,00
Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]	Lần	1	663.400,00	663.400,00	100	663.400,00	100	663.400,00	663.400,00	0,00		0,00
Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ từ cung - phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...) (0.2-1.5T)	Lần	1	2.250.800,00	2.250.800,00	100	2.250.800,00	100	2.250.800,00	2.250.800,00	0,00		0,00

* Các hình thức thanh toán viện phí tại Bệnh viện Ung Bướu: 1. Quét thẻ qua máy POS; 2. QR tĩnh; 3. QR động; 4. Thẻ khám bệnh; 5. Kiosk; 6. Vi điện tử; 7. Chuyển khoản; 8. Tiền mặt